

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-PT
Ngày 31 - 3 - 2021
V/v tranh chấp đòi quyền sử
dụng đất, đòi tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Nguyễn Lệ Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Phương H, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Khắc D, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp 18, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Khắc D: Bà Cao Thị Túy G, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 74C, đường C, Khóm 7, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Minh S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số X, đường Lý Đạo T, Phường Y, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Phương H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Phương H trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của anh Trần Minh S (con trai bà) nhờ bà nhận chuyển nhượng lại từ ông Cao Anh L với diện tích 207m² với giá 20.000.000 đồng vào năm 2003, đất tọa lạc tại ấp 18, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Khi chuyển nhượng các bên có làm giấy tay, do là đất bảo lưu sông nên bà chưa đăng ký kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do phần đất này gắn liền với hai thửa đất số 1191 và thửa 1122 của ông D nên ông D quản lý đối với phần đất tranh chấp. Ngoài ra, khi thỏa thuận chia tài sản bà được chia 08 công ruộng, 300.000.000 đồng, số tiền này ông D không giao trực tiếp cho bà mà bà sẽ được nhận từ những người nợ ông D, một số người nợ ông D đã đưa tiền cho bà tổng cộng 289.000.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng đến nay bà vẫn chưa được nhận đủ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H chỉ yêu cầu ông D trả phần diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 308,6m², bà rút lại việc yêu cầu ông D trả số tiền 11.000.000 đồng.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông Trần Khắc D và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông D trình bày: phần đất tranh chấp là do ông D gửi tiền về nhờ bà H nhận chuyển nhượng đất từ ông L vào năm 2003 với giá 20.000.000 đồng. Năm 2016, khi thỏa thuận phân chia tài sản thì ông với bà H đã thỏa thuận ông D được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần diện tích đất tại thửa 1191, bao gồm phần đất đang tranh chấp và phần đất này đã chuyển tên cho ông D. Hiện nay, phần đất đang tranh chấp ông đã xây dựng bờ kè, tường rào bê tông kiên cố, tráng xi măng, trong quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp không ai ngăn cản. Ngoài ra, khoảng năm 2010 ông có gửi tiền về cho bà H mượn số tiền 12USD để trả nợ, ông đòi nhiều lần nhưng bà H không trả nên ông yêu cầu phản tố buộc bà H trả cho ông số tiền trên theo tỷ giá tại thời điểm hiện nay 12USD là 278.528.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng chẵn).

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh S trình bày như sau: Phần đất tranh chấp là do anh gửi tiền nhờ mẹ anh (bà H) nhận chuyển nhượng từ ông L, do là người thân nên khi anh nhờ mẹ anh nhận chuyển nhượng đất thì không làm giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến. Ông đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ngoài ra không trình bày ý kiến gì thêm.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phương H đòi ông Trần Khắc D giao trả phần diện tích đất 308,6m², đất tọa lạc tại ấp 18, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (tuyên kèm theo vị trí và số đo).

Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Phương H đòi ông Trần Khắc D trả số tiền 11.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Khắc D đòi số tiền vay là 276.336.000 đồng (tương đương 12 USD).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; lãi suất trong giai đoạn thi hành án; quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn bà Lê Phương H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà đòi ông D trả diện tích đất 308,6m², đất tọa lạc tại ấp 18, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D đòi bà trả 12.000 USD. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: *Về thủ tục tố tụng*: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Phương H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp diện tích 308,6m², thuộc một phần thửa 1191, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp 18, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hiện trạng trên đất có công trình xây dựng là bờ kè, nền lán xi măng, có lan can. Hiện nay phần đất tranh chấp do ông D quản lý, sử dụng.

[2] Các bên đương sự đều thừa nhận bà H là người trực tiếp nhận chuyển nhượng đất tranh chấp từ ông Cao Văn L. Phía bà H xác định anh S là người đưa tiền để bà nhận chuyển nhượng đất, ông D xác định ông là người gửi tiền cho bà H, các bên đều không có chứng cứ để chứng minh số tiền bà H nhận chuyển nhượng đất tranh chấp là của ai.

[3] Theo văn bản thỏa thuận về tài sản ngày 28/12/2016 (bút lục 28) giữa ông D, bà H thể hiện bà H đồng ý giao toàn bộ phần đất bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm phần đất tranh chấp) là tài sản riêng của ông D và đã sang tên cho ông D đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 23/12/2016. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1191, tờ bản đồ số 08 là cấp quyền sử dụng đất cho bà H 3.900m² có cạnh giáp sông, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà H xác định khi đo đạc cơ quan chuyên môn đã kiểm tra toàn diện thửa 1191. Trong quá trình ông D quản lý, sử dụng đất cũng như xây dựng công trình trên đất không ai ngăn cản, sau khi trực tiếp nhận chuyển nhượng đất và

được cấp giấy nhận quyền sử dụng đất thì không ai khiếu nại gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp do bà H đứng tên nên việc bà H đồng ý giao toàn bộ phần đất tranh chấp trên là tài sản riêng của ông D là hợp pháp. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đòi ông D trả đất tranh chấp là có căn cứ.

[4] Bà H kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D đòi bà trả 12.000 USD, xét thấy: Bà H thừa nhận bà là người trực tiếp nhận số tiền 12.000 USD từ ông D, bà cho rằng đó là tiền ông D cho chị T mượn (chị Tú là con gái ông D). Tuy nhiên, bà H không có chứng cứ chứng minh có đưa số tiền trên cho chị T mượn, bà H không cung cấp được địa chỉ của chị T nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của chị T. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D yêu cầu bà H trả số tiền vay 12.000 USD (tương đương 276.336.000 đồng) là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Phương H, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí phúc thẩm: Bà Lê Phương H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Phương H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 37, 165 và khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phương H đòi ông Trần Khắc D giao trả phần diện tích đất 308,6m², thuộc một phần thửa số 1191, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp 18, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Khắc D. Đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với đất ông Phạm Hoàng K có số đo 8,2m.

Hướng Tây giáp qua s (3m) có số đo 6,73m.

Hướng Nam giáp k có số đo 41,75m.

Hướng Bắc giáp lộ xi măng (2,96m) có số đo 41,75m.

Trên đất có công trình xây dựng là bờ kè dài 41,0m, ngang 0,3m, cao 0,7m; nền láng xi măng dài 41,0m, ngang 4,2m; có lan can (21 trụ xây gạch, cao 0,7m, ngang 0,3m, dài 0,3m) và 13 cây xanh, 02 cây dừa (trồng năm 2011). Phần đất tranh chấp hiện nay do ông Trần Khắc D quản lý, sử dụng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phương H đòi ông Trần Khắc D trả số tiền 11.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Khắc D. Buộc bà Lê Phương H trả cho ông Trần Khắc D số tiền vay 276.336.000 đồng (tương đương 12.000 USD).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.180.000 đồng: Bà Lê Phương H phải chịu toàn bộ, bà H đã nộp xong.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Phương Hồng phải chịu 14.117.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005576 ngày 13/6/2019 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010180 ngày 26/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà H còn phải nộp tiếp số tiền 13.517.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Trần Khắc D không phải chịu án phí. Ông D đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.963.500 đồng theo biên lai thu số 0010179 ngày 25/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Phương H phải chịu 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010343 ngày 16/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Lê Thanh Hùng